

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRẦN NHẬT ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TRẦN NHẬT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRAN NHAT ANH TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703166646

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 68/6, tổ 6, Khu Phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0974964039

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, kim loại quý khác)                   | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                | 4711     |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4721     |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4722     |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4723     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2011        |
| 19. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2023(Chính) |
| 20. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2029        |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2511        |
| 22. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                     | 2512        |
| 23. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các loại bồn chứa, bể chứa đường ống, vi sinh bằng inox<br>- Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu.<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 2599        |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759        |
| 25. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761        |
| 26. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4762        |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4763        |
| 28. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4771        |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4772        |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí; kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐẶNG THỊ NGÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 25/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040186033147

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Yên Mọi, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 6, Khu Phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040186033147

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Yên Mọi, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 6, Khu Phố Tân Phước, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương